

**CÔNG TY TNHH CÂY XANH ĐÔ THỊ NAM NHẬT MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÂY XANH ĐÔ THỊ NAM NHẬT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM NHAT MINH URBAN GREEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301184555

**3. Ngày thành lập:** 10/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0966262888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm<br>- Trồng cây lâu năm khác còn lại | 0129(Chính) |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: - Trồng cây hàng năm khác còn lại                           | 0119        |
| 3.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                              | 0131        |
| 4.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                               | 0132        |
| 5.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                    | 0164        |
| 6.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                            | 0210        |
| 7.  | Khai thác gỗ<br>(Trong phạm vi nhà nước cho phép)                                                | 0220        |
| 8.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                  | 0810        |
| 9.  | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                     | 0891        |
| 10. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                    | 0892        |
| 11. | Xây dựng nhà để ở                                                                                | 4101        |
| 12. | Xây dựng nhà không để ở                                                                          | 4102        |
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                     | 4212        |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                         | 4221        |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                              | 4222        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn.                  | 4229        |
| 17. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                  | 4292        |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                            | 4293        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4299 |
| 20. | Phá dỡ<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311 |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br>Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: - Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>- Lắp đặt thiết bị, đồ dùng nhà bếp, cầu thang và những hoạt động tương tự,<br>- Lắp đặt thiết bị nội thất,<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được...<br>- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác như:<br>+ Lát sàn hoặc tường bằng gạch, bê tông, đá xẻ, gạch gốm,<br>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,<br>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,<br>+ Lát sàn hoặc ốp tường bằng gạch không nung, đá hoa, đá hoa cương (granit), đá phiến...<br>- Lắp gương, kính,<br>- Lắp đặt nội thất các cửa hàng, nhà di động, thuyền... | 4330 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:<br>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,<br>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),<br>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,<br>+ Uôn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,<br>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,<br>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp | 4390 |
| 27. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4511 |
| 28. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4512 |
| 29. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4513 |
| 30. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4520 |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4530 |
| 32. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4541 |
| 33. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4542 |
| 34. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động Đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4543 |
| 35. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm Hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ))                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4774 |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 38. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Không bao gồm trung tâm môi giới việc làm, chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7810 |
| 39. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7820 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                  | 7830 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÀ   | Việt Nam  | Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 7.500.000.000         | 50,000    | 027086014737                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN XUÂN PHÚ | Việt Nam  | Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | 7.500.000.000         | 50,000    | 027086009292                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027086014737

Ngày cấp: 04/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngọc Khám, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh